

Bản án số: 189/2022/HC-PT

Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh, ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Phạm Tân Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 66/2022/TLPT-HC ngày 13/4/2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1889/2022/QĐ-PT ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn N, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 5, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021 và ngày 10/01/2022 của người khởi kiện là anh Trịnh Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

2.3. Ủy ban nhân dân huyện S, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961, vắng;

3.3. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996, vắng;

Bà N và chị Y trú cùng địa chỉ: Xóm 5, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2021 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn N trình bày:*

Nguyên các thửa đất số 1204, diện tích 702m², thửa đất số 885, diện tích 246m², thửa đất số 720, diện tích 332m², thửa đất số 889, diện tích 992m², thửa đất số 887, diện tích 1.352m², thửa đất số 1136, diện tích 293m², thửa đất số 880, diện tích 168m², thửa đất số 1207, diện tích 35 lm², thửa đất số 1206, diện tích 182m², thửa đất số 1244, diện tích 383m², cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S hiện nay là đất hoang hóa, cây cối gai góc, cỏ um tùm không ai sử dụng. Vào năm 1985 các thửa đất nêu trên là đất hoang hóa, lúc đó gia đình ông N khó khăn, không có đất để sản xuất, nên vợ chồng ông N tiến hành khai hoang, dỡ hóa cải tạo nhiều năm mới trở thành những thửa đất ruộng hiện nay, làm rau, trồng đậu, trồng mỳ liên tục cho đến nay.

Đến năm 2014, Ủy ban nhân dân xã T thông báo những người sử dụng đất tại thôn T, xã T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lên kê khai nộp thuế sử dụng nước nên vợ ông N là bà Nguyễn Thị N đến UBND xã T kê khai để nộp thuế sử dụng nước và trực tiếp ký vào tờ kê khai; tuy nhiên, khi ký bà N không được thông báo nội dung cũng như không được đọc giấy. Gia đình ông N sử dụng liên tục các thửa đất nêu trên từ khoảng năm 1985 đến nay, quá trình quản lý, sử dụng gia đình ông N không được cơ quan nhà nước yêu cầu nộp thuế đất nông nghiệp nên không nộp thuế đất nông nghiệp; chưa đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên. Đến năm 2019 những thửa đất gia đình ông N khai hoang trúng vào dự án khu công nghiệp V Quảng Ngãi; do đó, UBND huyện S ban hành các Quyết định thu hồi đất từ số 5043/QĐ-UBND đến 5052/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019 thu hồi các thửa đất nêu trên của gia đình ông N. Ngày 31/12/2019 UBND huyện S ban hành quyết định số 5213/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp V Quảng Ngãi giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, phần đất nông nghiệp (đợt 23) theo bản liệt kê đơn giá bồi thường kèm theo quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 cho gia đình ông N thì chỉ được bồi thường giá trị về đất là 30%. Sau đó, ông N khiếu nại một phần quyết định số 5213/QĐ-UBND thì ngày 30/06/2020, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1090/QĐ-UBND bác nội dung khiếu nại của ông N. Ông N tiếp tục khiếu nại thì ngày 12//2021 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 65/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông N.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định thu hồi đất từ số 5043/QĐ-UBND đến 5052/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019; hủy một phần Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị ảnh hưởng dự án Khu Công nghiệp V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S đối với phần đất nông nghiệp (đợt 23) vì giá bồi thường 30% là thấp, không đúng quy định; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1090/QĐ-UBND ngày 30/06/2020 của Chủ tịch UBND huyện S và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số số 65/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:* Các thửa đất số 1204/702m², 720/332m²,

885/246m², 889/992m², 887/1.352m², 1136/293m², 880/168m², 1207/351m², 1206/182m² và 1244/383m, loại đất BHK, cùng tờ bản đồ số 38, xã T, huyện S (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) mà hộ ông Nguyễn N khiếu nại thể hiện:

Tại Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg năm 1987 là thửa 1204 và 720 thuộc thửa 545/1.088m², loại đất Mạ; thửa 887 thuộc thửa 572/2.512m², loại đất ĐM; thửa 880 thuộc thửa 581/1.360m², loại đất ĐM; thửa 1244 thuộc thửa 560/1.210m², loại ĐM cùng tờ bản đồ số 23, xã T, do Hợp tác xã nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng. Thửa 885 thuộc thửa 576/1.088m², loại đất Hg/đn; thửa 889 thuộc thửa 571/1.080m², loại đất Hg/đn; thửa 1136 thuộc thửa 574/880m², loại đất Hg/đn; thửa đất 1207 và 1206 thuộc thửa 577/1.880m², loại đất Hg/đn, cùng tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987, là đất chưa phân phối sử dụng.

Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, 10 thửa đất nêu trên vào quỹ đất công ích của UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ địa chính xã T lập ngày 14/01/2000 đang lưu giữ tại UBND xã T.

Thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, UBND huyện S đã tiến hành các thủ tục và thu hồi đối với 10 thửa đất mà hộ ông Nguyễn N đang sử dụng tại các Quyết định từ số 5043/QĐ-UBND đến 5052/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019. Do xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn N là đất công ích do UBND xã T quản lý nên UBND huyện S đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 5065/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 và ban hành Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị ảnh hưởng bởi Dự án Khu công nghiệp V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B, xã T, huyện S - phần đất nông nghiệp - đợt 23, trong đó bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại đối với 10 thửa đất bị thu hồi. Không đồng ý với việc bồi thường của UBND huyện S, ông Nguyễn N có đơn ngày 26/3/2020 khiếu nại Quyết định bồi thường số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ ông bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại là không đúng, đồng thời yêu cầu bồi thường 100% giá trị về đất đối với 10 thửa đất bị thu hồi. Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần một số 1090/QĐ-UBND ngày 30/6/2020, nhưng ông N tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh khiếu nại lần hai của ông N. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của Chánh Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 138/BC-TTT ngày 19/11/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 65/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 là có cơ sở, đúng pháp luật vì:

+ Các thửa đất 1204/702m², 720/332m², 885/246m², 889/992m², 887/1.352m², 1136/293m², 880/168m², 1207/351m², 1206/182m² và 1244/383m², cùng tờ bản đồ số 38, xã T (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) là đất công ích do UBND xã T quản lý nhưng UBND xã T chỉ ký hợp đồng cho hộ ông Nguyễn N thuê đất đối với 06 thửa: 1204/702m², 702/332m², 889/992m², 887/1357m, 1136/293m², 1207/351m² (*theo Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) mà không lập thủ tục để ký hợp đồng cho thuê đối với 04 thửa: 885, 1206, 1244 và 880

(theo Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) là không đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 72 Luật Đất đai năm 2003). Ông Nguyễn N là người trực tiếp sử dụng 10 thửa đất này cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án nhưng trong quá trình sử dụng các thửa đất nêu trên, ông Nguyễn N không thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ). Qua kiểm tra việc giao đất nông nghiệp sử dụng ổn định lâu dài theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì hộ ông Nguyễn N có 06 nhân khẩu, được giao 08 thửa: 683/1040m², 634/896m², 522/1200m², 1076/315m², 482/852m², 534/1790m², 646/864m², 855/432m² và một phần thửa 567/1192m² (trừ 200m² đất ở lâu dài) cùng tờ bản đồ số 38, xã T, với tổng diện tích là 8.581m² là đủ định suất theo phương án giao đất tại địa phương (trang 18, quyển số 8 sổ địa chính lập năm 2000). Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Nguyễn N chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh. Do đó, UBND huyện S bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (đơn giá là 30.000 đồng/m²) đối với 10 thửa đất nêu trên cho hộ ông Nguyễn N là đúng quy định. Việc ông Nguyễn N yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Ngoài ra, đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn N yêu cầu tuyên hủy các quyết định của UBND huyện S về việc thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý đã được Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án bổ sung tại Thông báo số 393/2021/TB-HC ngày 25/10/2021 thì thấy: về thẩm quyền thu hồi đất: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện S đã ban hành 10 quyết định thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý mà thực Nguyễn N đang canh tác, sử dụng để thực hiện dự án Khu Công nghiệp Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T - Phần đất nông nghiệp (đợt 23) tại các Quyết định số 5043, 5044, 5045, 5046, 5047, 5048, 5049, 5050, 5051 và 5052/QĐ- UBND thu hồi lần lượt các thửa đất 1244, 1206, 1207, 880, 1136, 887, 889, 885, 720 và 1204 vào cùng ngày 30/12/2019. Như vậy việc UBND huyện S quyết định thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý là đúng thẩm quyền theo quy định. về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của UBND huyện S được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 99/QĐ- UBND ngày 24/01/2017 (năm 2018 phê duyệt tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 05/9/2018) thực hiện Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 (sau này là Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 21/10/2019) của UBND huyện S về phê duyệt

Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm điểm để thực hiện dự án: Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T. Trong cùng ngày 10/7/2017, dựa trên số liệu hồ sơ địa chính theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, UBND huyện S ban hành các Thông báo thu hồi đất công ích do UBND xã T quản lý mà ông Nguyễn N đang trực tiếp canh tác, sử dụng lần lượt tại các Thông báo số 2370, 2372, 2373, 2458, 2460, 2461, 2463, 2466, 2467, 2497 và 2499/TB-UBND (sau này căn cứ theo bản đồ trích lục, chỉnh lý Sổ Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019, UBND huyện ban hành bổ sung các Thông báo thu hồi đất điều chỉnh số 1898, 1899, 1900, 1901 và 1902/TB-UBND cùng ngày 19/12/2019). Sau khi thông báo thu hồi đất, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S phối hợp với UBND xã T và các đơn vị có liên quan tổ chức họp dân triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Biên bản họp ngày 21/7/2017. Ông Nguyễn N cũng tiến hành tự kê khai đất đai và phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S, UBND xã T kiểm kê đất đai và tài sản trên đất vào các ngày 25/10/2018, 26/10/2018 và 06/3/2019. Các thửa đất nêu trên không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S có Công văn số 544/BQL ngày 15/8/2019 gửi UBND xã T yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng, vị trí, loại đất đối với các thửa đất của các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án để làm cơ sở bồi thường theo quy định, trong đó có hộ ông Nguyễn N. Ngày 05/9/2019, UBND xã T có Công văn số 159/UBND đã xác nhận 10 thửa đất ông Nguyễn N đang sử dụng là đất công ích do UBND xã T quản lý. Ngày 15/8/2019, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện S ban hành Thông báo số 546/TB-BQL về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - Phần đất nông nghiệp (đợt 23) đối với 01 tổ chức và 20 hộ gia đình, cá nhân, lập Biên bản niêm yết ngày 15/8/2019 và phát phiếu kiến nghị cho người có đất thu hồi. Biên bản kết thúc niêm yết ngày 05/9/2019 có xác nhận của đại diện UBND xã T, ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và đại diện các hộ dân có đất thu hồi, kết quả có 01 tổ chức và 11 hộ gia đình, cá nhân thông nhất với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; 12 hộ gia đình, cá nhân không gửi lại phiếu kiến nghị. Ngày 11/11/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S có Báo cáo số 1715/BC-TNMT về thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Trên ý kiến đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, ngày 30/12/2019 UBND huyện S ban hành 10 Quyết định số 5043, 5044, 5045, 5046, 5047, 5048, 5049, 5050, 5051 và 5052/QĐ-UBND về việc thu hồi các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý cùng với thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án tại Quyết định số 5065/QĐ- UBND ngày 30/12/2019. Như vậy việc UBND huyện S ban hành các quyết định thu hồi các thửa đất công ích nêu trên là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 63, 67, 69 Luật Đất đai 2013, Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Quyết định số 79/2017/QĐ- UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định trình tự, thủ tục khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Về nội dung quyết định thu hồi đất: UBND huyện S căn cứ vào hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 64/CP, quá trình quản lý, sử dụng đất và Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 UBND xã T về xác nhận nguồn gốc đất thì các thửa đất mà ông Nguyễn N đang canh tác, sử dụng thuộc quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý. Vì vậy, trong quyết định thu hồi đất do UBND huyện S ban hành thể hiện các thửa đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích do UBND xã T quản lý là có căn cứ pháp lý và đúng theo quy định pháp luật tại Điều 132 Luật Đất đai 2013.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:* Các thửa đất số: 1204/702m², 720/332m², 885/246m², 889/992m², 887/1.352m², 1136/293m², 880/168m², 1207/351m², 1206/182m², 1244/383m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) mà hộ ông Nguyễn N đang phát sinh khiếu kiện nguyên trước đây thuộc các thửa đất thể hiện theo bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg như sau: + Thửa đất số 1204/702m² và 720/332m² thuộc thửa đất số 545/1.088m², loại đất Mạ; thửa đất số 887/1.352m² thuộc thửa đất số 572/2.512m², loại đất ĐM; thửa đất số 880/168m² thuộc thửa đất số 581/1.360m², loại đất ĐM; thửa 1244/3 83m² thuộc thửa đất số 560/1.21 Om², loại đất M, cùng tờ bản đồ số 2; T do HTX nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng. + Thửa đất số 885/246m² thuộc thửa đất số 576/1.088m², loại đất Hg/đn; thửa đất số 889/992m² thuộc thửa đất số 571/1.080m², loại đất Hg/đn; thửa đất số 1136/293m² thuộc thửa đất số 574/880m², loại đất Hg/đn; thửa đất số 1207/351m² và 1206/182m² thuộc thửa đất số 577/1.880m², loại đất Hg/đn, cùng tờ bản đồ số 23, xã T, là đất chưa phân phối sử dụng. Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ như sau: + Thửa đất số 1204/702m² thuộc thửa đất số 717/304m² và 718/256m², loại đất BHK; thửa đất số 720/332m² thuộc thửa đất số 720/480m², loại đất BHK; thửa đất số 885/246m² thuộc thửa đất số 885/240m², loại đất BHK; thửa đất số 889/992m² thuộc thửa đất số 889/992m², loại đất BHK; thửa đất số 887/1.352m² thuộc thửa đất số 887/1.352m², loại đất BHK; thửa đất số 1136/293m² thuộc thửa đất số 886/792m², loại đất BHK; thửa đất số 880/168m² thuộc thửa đất số 880/168m², loại đất BHK; thửa đất số 1207/351m² thuộc thửa đất số 881/650m², loại đất BHK; thửa đất số 1206/182m² thuộc thửa đất số 884/270m², loại đất BHK; thửa đất số 1244/383m² thuộc thửa đất số 788/580m², loại đất BHK, đều thuộc tờ bản đồ số 38, xã T và được đưa vào quỹ đất công ích của UBND xã T quản lý, thể hiện tại sổ địa chính xã T lập ngày 14/01/2000. Hộ ông Nguyễn N đã ký hợp đồng thuê đất công ích với UBND xã T vào ngày 08/4/2014 đối với 06 thửa: 1204/702m², 720/332m², 889/992m², 887/1.352m², 1136/293m², 1207/351m² (theo bản đồ địa chính là 07 thửa gồm: 717, 718, 720, 881, 886, 887 và 889, cùng tờ bản đồ số 38, xã T). Việc UBND xã T không lập thủ tục để ký hợp đồng thuê đất công ích đối với 04 thửa đất số 885, 1206, 1244 và 880 (theo bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) đối với hộ ông Nguyễn N là chưa đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 72 Luật Đất đai năm 2003). Theo phương án giao đất sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ ông Nguyễn N đã được giao đủ định suất. Thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, UBND huyện đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định thu hồi đất vào ngày

30/12/2019: số 5043/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1244/383m², số 5044/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1206/182m², số 5045/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1207/351m², số 5046/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 880/168m², số 5047/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1136/293m², số 5048/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 887/1.352m², số 5049/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 889/992m², số 5050/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 885/246m², số 5051/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 720/332m², số 5052/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1204/702m² mà hộ ông Nguyễn N đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 thì toàn bộ 10 thửa đất này thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Nguyễn ngót không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá trị đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh. Theo đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N, trong đó chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (*đơn giá 30.000 đồng/m²*) đối với 10 thửa đất số: 1204/702m², 720/332m², 885/246m², 889/992m², 887/1.352m², 1136/293m², 880/168m², 1207/351m², 1206/182m², 1244/383m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 38, xã T là đúng quy định pháp luật. Việc ông N yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do đó, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn N (*lần đầu*), theo đó bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2020 của ông Nguyễn N là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Nguyễn N hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T trình bày:* Việc UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 65/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc UBND xã cho ông Nguyễn N thuê đất công ích tại Hợp đồng thuê đất số 26/2014/HĐKT ngày 08/4/2014, trong đó có ghi: Thời hạn hợp đồng là 04 năm, ngày bắt đầu 01/4/2014, ngày kết thúc 31/12/2017. Sau khi kết thúc hợp đồng do vùng đất này nằm trong dự án V giai đoạn 1B xã T đang triển khai nên UBND xã không ký hợp đồng lại với ông Nguyễn N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Y (vợ và con ông N) thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông N.*

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 22/02/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; điều 66, 67, 69, 76 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N về:

- *Hủy Quyết định số 5043/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 383m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1244, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã Tịnh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 182m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1206, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 351m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1207, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 168m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 880, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5047/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 293m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1136, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.352m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 887, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 992m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 889, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 246m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 885, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 332m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 720, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 702m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1204, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

- *Hủy 01 phần Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 có nội dung bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%;*

- *Hủy Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn N;*

- *Hủy Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn N.*

2. Về án phí: Ông Nguyễn N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ tại Biên lai số AA/2018/0007901 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 06/3/2022, ông Nguyễn N (Người khởi kiện) kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Người bị kiện vắng mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; do đó, đề nghị căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án nên đề nghị bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người khởi kiện vắng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt hoặc có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Các thửa đất số 1204 (diện tích 702m²), thửa đất số 720 (diện tích 332m²), thửa đất số 885 (diện tích 246m²), thửa đất số 889 (diện tích 992m²), thửa đất số 887 (diện tích 1.352m²), thửa đất số 1136 (diện tích 293m²), thửa đất số 880 (diện tích 168m²), thửa đất số 1207 (diện tích 351m²), thửa đất số 1206 (diện tích 182m²) và thửa đất số 1244 (diện tích 383m²) ông Nguyễn N đang khởi kiện đối với một phần Quyết định số 5213 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị thu hồi phục vụ Dự án Khu công nghiệp V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T (phần bồi thường về đất) và Quyết định thu hồi đất từ số 5043/QĐ-UBND đến số 5052/QĐ-UBND của UBND huyện S cùng ngày 30/12/2019.

[3] Bản đồ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và Sổ mục kê ruộng đất được UBND huyện S phê duyệt ngày 20/4/1987 (bút lục 252-255, 257) thể hiện: - Thửa 1204 (diện tích 702m²) và Thửa 720 (diện tích 332m²) thuộc thửa 545 (diện tích 1088m²) loại đất Mạ, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987 do Hợp tác xã nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng; - Thửa 885 (diện tích 246m²) thuộc thửa 576 (diện tích 1088m²) loại đất Hg/Đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987, đất chưa phân phối sử dụng; - Thửa 389 (diện tích 992m²) thuộc thửa 571 (diện tích 1.080m²) loại đất Hg/đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987, đất chưa phân phối sử dụng; - Thửa 887 (diện tích 1.352m²) thuộc thửa 572 (diện tích 2.512m²) loại đất Mầu, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987 do HTXNN T đứng tên chủ sử dụng; - Thửa 1136 (diện tích 168m²) thuộc thửa 574 (diện tích 880m²) loại

đất Hg/Đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987, đất chưa phân phối sử dụng; - Thửa 880 (diện tích 168m²) thuộc thửa 581 (diện tích 1.360m²) loại đất ĐM, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987 do HTXNN T đứng tên chủ sử dụng; - Thửa số 1207 (diện tích 351m²) và thửa 1206 (diện tích 182m²) thuộc thửa 577 (diện tích 1.880m²) loại đất Hg/Đn, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987, đất chưa phân phối sử dụng; -Thửa 1244 (diện tích 383m²) thuộc thửa 560 (diện tích 1.210m²) loại đất Màu, tờ bản đồ số 23, xã T lập năm 1987 do HTX nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng.

[4] Bản đồ Nghị định 64/CP của Chính phủ, Sổ mục kê đất, Sổ địa chính lập năm 2000 thì các thửa đất số 1204 (diện tích 702m²), thửa số 720 (diện tích 332m²), thửa 885 (diện tích 246m²), thửa 889 (diện tích 992m²), thửa 887 (diện tích 1.352m²), thửa 1136 (diện tích 293m²), thửa 880 (diện tích 168m²), thửa 1207 (diện tích 351m²), thửa 1206 (diện tích 182m²) và 244 (diện tích 383m²) loại đất BHK, cùng tờ bản đồ số 38 xã T, huyện S (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) thì các thửa đất này được đưa vào quỹ đất công ích do UBND xã quản lý (Bút lục 117-121,240-246).

Quá trình quản lý: - Ngày 08/4/2014 UBND xã T ký Hợp đồng cho bà Nguyễn Thị N (vợ ông Nguyễn N) thuê đất công ích đối với **06 thửa đất** 1204 (diện tích 702m²) thửa 720 (diện tích 332m²), thửa 889 (diện tích 992m²), thửa 887 (diện tích 1.352m²), thửa 1136 (diện tích 293m²), thửa 1207 (diện tích 351m²) tờ bản đồ số 38 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*), xã T (bút lục 82-83); **còn 04 thửa đất** số 885 (diện tích 246m²), số 1206 (diện tích 182m²), số 1244 (diện tích 383m²) và số 880 (diện tích 168m²) chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định. Thửa đất số 1204 (diện tích 702m²) và thửa đất số 720 (diện tích 332m²) tờ bản đồ số 38, xã T trước đây là đất do HTXNN T quản lý, sử dụng để gieo mạ cây lúa vụ Đông Xuân; sau đó Hợp tác xã chuyển sang trồng đậu nành nhưng không hiệu quả và bỏ hoang nên năm 1992 - 1995, gia đình ông N sử dụng trồng đậu, trồng lúa.

[5] Xét, gia đình ông Nguyễn N trực tiếp sử dụng 10 thửa đất 1204, 720, 885, 889, 887, 1136, 880, 1207, 1206 và 1244 cùng tờ bản đồ 38 (*Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019*) tại xã T cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án Khu công nghiệp V Quảng Ngãi thuộc xã T. Quá trình sử dụng 10 thửa đất trên hộ gia đình ông N không thực hiện đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Khi thực hiện cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì hộ ông Nguyễn N có 06 nhân khẩu đã được giao 08 thửa đất (bút lục 236-239) gồm: thửa 683 (diện tích 1040m²), thửa 634 (diện tích 896m²), thửa 522 (diện tích 1200m²), thửa 1076 (diện tích 315m²), thửa 482 (diện tích 852m²), thửa 534 (diện tích 1790m²), thửa 646 (diện tích 864m²), thửa 855 (diện tích 432m²) và một phần thửa 567 (diện tích 1192m², trừ 200m² đất ở lâu dài) cùng tờ bản đồ số 38, xã

T với tổng diện tích là 8.581m² là đủ định suất theo phương án giao đất tại địa phương (bút lục 236-239).

Mặt khác, quá trình sử dụng đất, ngày 08/4/2014 bà Nguyễn Thị N (vợ ông Nguyễn N) đã ký **Hợp đồng thuê đất số 26/2014/HĐKT** thuê **06 thửa đất** công ích là thửa 1204 (diện tích 702m², biến động thành thửa 717, 718), thửa 720 (diện tích 332m²), thửa 889 (diện tích 992m²), thửa 887 (diện tích 1.352m²), thửa 1136 (diện tích 293m², biến động thành thửa 886), thửa 1207 (diện tích 35m², biến động thành thửa 881) cùng tờ bản đồ số 38 với UBND xã T (bút lục 82-83). Đối với 04 thửa đất công ích (885, 1206, 1244 và 880) còn lại UBND xã T không lập thủ tục để ký hợp đồng thuê đất công ích đối với hộ ông Nguyễn N là chưa đúng quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 (trước đây là Điều 72 Luật Đất đai năm 2003). Do đó, việc ông Nguyễn N cho rằng các thửa đất 1204, 720, 885, 889, 887, 1136, 880, 1207, 1206 và 1244 cùng tờ bản đồ 38 là đất của gia đình ông Nguyễn N là không có cơ sở vì 10 thửa đất nêu trên là đất công ích do UBND xã T quản lý. Như vậy, ông Nguyễn N chỉ là người có công cải tạo, sử dụng đất; do đó, UBND huyện S áp dụng điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại tại bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (đơn giá 30.000đ/m²) đối với 10 thửa đất nói trên cho ông Nguyễn N là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn N yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ gia đình ông và hủy 01 phần Quyết định 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5213 về phần bồi thường 30% giá trị phần đất nông nghiệp (đợt 23); hủy các Quyết định thu hồi đất số 5043, 5044, 5045, 5046, 5047, 5048, 5049, 5050, 5051, 5052/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2019 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có cơ sở, đúng pháp luật; do đó, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính 2015, bác kháng cáo của ông Nguyễn N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; điều 66, 67, 69, 76 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 5043/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 383m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1244, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã Tịnh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 182m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1206, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 351m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1207, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 168m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 880, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5047/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 293m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1136, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.352m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 887, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 992m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 889, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 246m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 885, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 332m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 720, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 702m² đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1204, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất BHK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy 01 phần Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp V Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi - phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 có nội dung bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%;

- Hủy Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn N;

- Hủy Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn N.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền ông N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ tại Biên lai số AA/2018/0007901 ngày 03/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi

thì ông N đã thi hành xong khoản tiền này..

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0002281 ngày 21/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi thì ông Nguyễn N đã thi hành xong khoản tiền này..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân